

ĐẠI GIỚI ĐÀN PHÁP LOA 2017

PHẦN THI DÀNH CHO GIỚI TỬ SA-DI VÀ SA-DI NI

NỘI DUNG

SƠ LƯỢC VỀ THIỀN SƯ PHÁP LOA	2
A. THI KHẢO HẠCH	4
I. GIÁO LÝ CĂN BẢN	4
II. KINH	5
III. LUẬT	7
IV. LỊCH SỬ	9
B. TỤNG LUẬT (tụng 2 cuốn đầu của Luật Trường hàng)	11
C. THI TỰ LUẬN (khi thi viết sẽ phát đề).....	11

SƠ LƯỢC VỀ THIỀN SƯ PHÁP LOA TRONG PHẬT GIÁO ĐỜI TRẦN

Vào TK thứ 13 ở Việt Nam, vua Trần Nhân Tông, một bậc minh quân tài đức vẹn toàn, uyên thâm Phật pháp, đã tu hành đạt đạo, hiệu là Hương Vân Đại Đầu Đà. Ngài là sáng Tổ của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử với Tông chỉ “phản quan tự kỷ bổn phận sự bất tùng tha đắc” và một bản sắc riêng của dòng thiền Trúc Lâm nước Việt là: Thiền-Giáo song hành.

Phật giáo đời Trần đã trở thành quốc giáo vì một tinh thần Trúc Lâm phóng khoáng, tự tại viên dung, luôn khế hợp với lòng người và đồng hành cùng dân tộc trong suốt chiều dài lịch sử của nước nhà,... Đến thập niên 70 của TK 20, HT Thiền sư Thích Thanh Từ bấy giờ dốc lòng dụng tâm tu tập, sáng lại nguồn tâm, đã dày công gầy dựng lại Tông phong Trúc Lâm và nối truyền mạng mạch Yên Tử cho đến ngày nay.

Như vậy, sơ Tổ của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử là một ông vua Phật, đức Phật Hoàng Trần Nhân Tông. Ngài đã truyền Tổ vị cho Thiền sư Pháp Loa, và kế thừa Pháp vị là tam Tổ Huyền Quang.

Thiền sư Pháp Loa sinh năm 1284 tại Lưỡng Giang (Hải Dương), thế danh là Đồng Kiên Cương, xuất gia với Hương Vân Đại Đầu Đà, pháp danh là Thiệu Lai. Đến khi Ngài tu hành đắc lực, sáng được bản tâm, sơ Tổ Trúc Lâm bèn ban cho đạo hiệu là Pháp Loa - ấy nghĩa là hàng phục ma chướng, vãn tập đại chúng,...và hữu duyên rộng truyền chánh pháp. Đến năm 1330, Tổ sư Pháp Loa đã an nhiên thị tịch. Tuy trụ thế 47 năm, nhưng Tổ đã để lại cho nền Phật giáo nước nhà cả một sự nghiệp vô cùng lớn lao:

- Phụng chiếu khắc bản gỗ ấn bản Đại Tạng kinh đầu tiên ở Việt Nam vào thời Trần (1319), tái bản năm 1329. Khắc bản gỗ ấn bản “Tứ phần luật” năm 1322. (Nguyễn Lang, VNPGSL...)
- Lần đầu tiên ở Việt Nam, văn phòng Trung Ương Giáo hội Phật giáo (chùa Vĩnh Nghiêm ở Lưỡng Giang) đã lưu trữ hồ sơ quản lý tự viện, định chức và cấp sổ bộ cho Tăng ni. (Nguyễn Lang, VNPGSL...)
- Cùng các công trình văn hóa, kiến trúc, v.v... Ngài đã để lại nhiều tác phẩm Thiền học có tầm vóc như: Tham Thiền Yếu Chỉ, Tuệ Trung Thượng Sĩ Ngữ Lục, v.v... và những hành trạng Tổ sư còn được lưu truyền.

Tất cả những thành quả trên đã đưa Phật giáo thời Trần đến một đỉnh cao mới. Trên con đường Bồ-tát đạo, Ngài đã phát nguyện: "...chư Phật và Bồ-tát có những công hạnh nào, con nguyện thiết tha cầu học và làm theo. Dù chúng sanh có khen chê, khinh trọng, dù bố thí hay xâm đoạt, khi mắt thấy tai nghe cũng đều xin cứu độ, khiến cho tất cả đều tiến lên nấc thang giác ngộ, v.v..." (Tam Tổ Thực Lục)

Phương pháp nhiếp tâm (Tịnh giới) của Tổ sư Pháp Loa là: ... trong hai mươi bốn giờ, ngoài dứt các duyên, trong tâm không dấy động. Tâm không dấy động nên cảnh đến vẫn an nhàn. Mắt không vì cảnh khởi phân biệt, thức không vì pháp trần mà dính mắc. Ra vào không giao thiệp gọi là ngăn dưng. Tuy gọi ngăn dưng mà chẳng phải ngăn dưng. Nên biết tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như thế. Đây gọi là giới Đại thừa, gọi là giới Vô thượng, cũng gọi là giới Vô đẳng đẳng. Tịnh giới này dù Tiểu tăng cho đến Đại tăng đều nên phải gìn giữ. (Tam Tổ Thực Lục - HT. Thiền sư Thích Thanh Từ dịch)

Trước lúc viên tịch, Tổ viết kệ:

*Muôn duyên cắt đứt một thân nhàn,
Hơn bốn mươi năm giấc mộng tràng,
Nhấn bảo mọi người thôi chớ hỏi,
Bên kia trăng gió rộng thênh thang.*

(Thanh Từ Toàn Tập, tập 27)



Lưu ý:

- Giám khảo sẽ hỏi thêm về Thiền sư Pháp Loa trong bài “SƠ LƯỢC” trên.
- Trong ba môn (Thi Khảo Hạch, Thi Tụng Luật, Thi Tự Luận), điểm của mỗi môn cao nhất là 20, tổng điểm của ba môn từ 30 trở lên thì đạt yêu cầu.

A. THI KHẢO HẠCH

Giới tử thi khảo hạch 4 môn: 1. Giáo lý căn bản; 2. Kinh; 3. Luật; 4. Lịch sử. Mỗi môn có 5 câu hỏi, giám khảo chỉ hỏi 1 câu, mỗi câu cao nhất được 5 điểm.

Phần đáp án chỉ mang tính gợi ý, giới tử cần tham khảo thêm để câu trả lời được phong phú và đầy đủ hơn.

I. GIÁO LÝ CĂN BẢN

1. Câu hỏi 1 (5 điểm)

Xuất gia có mấy nghĩa?

Trả lời

- *Xuất gia có 3 nghĩa: 1. Xuất thế tục gia, 2. Xuất phiền não gia, 3. Xuất tam giới gia.*

2. Câu hỏi 2 (5 điểm)

- Tam bảo là gì? Tam bảo có mấy bậc?

Trả lời

- *Tam bảo là 3 ngôi báu của tất cả chúng sanh trong pháp giới, đó là: Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo.*
- *Tam bảo có 3 bậc là: 1. Thế gian trụ trì Tam bảo, 2. Xuất thế gian Tam bảo, 3. Đồng thể Tam bảo.*

3. Câu hỏi 3 (5 điểm)

- Đồng thể Tam bảo là gì? Hãy kể ra.

Trả lời

- *Đồng thể Tam bảo gồm:*
 - *Đồng thể Phật bảo: nghĩa là tất cả chúng sanh cùng chư Phật đồng một thể tánh sáng suốt.*
 - *Đồng thể Pháp bảo: nghĩa là tất cả chúng sanh cùng chư Phật đồng một pháp tánh, từ bi, bình đẳng.*
 - *Đồng thể Tăng bảo: nghĩa là tất cả chúng sanh cùng chư Phật đồng một thể tánh thanh tịnh, hòa hợp.*

4. Câu hỏi 4 (5 điểm)

- Lục hòa là gì? Hãy kể ra.

Trả lời

- *Lục hòa là 6 pháp hòa kính trong Tăng đoàn, đó là:*
 1. Thân hòa đồng trụ, 2. Khẩu hòa vô tránh, 3. Ý hòa đồng duyệt.
 4. Giới hòa đồng tu, 5. Kiến hòa đồng giải, 6. Lợi hòa đồng quân.

5. Câu hỏi 5 (5 điểm)

- Hãy trình bày 3 thời kỳ của nhân quả.

Trả lời

- *Phật pháp gọi nhân quả là cái cân để căn nhắc sự việc. Nhân có năng lực mau và chậm. Duyên có lực lượng mạnh và yếu. Vì thế từ nhân kết thành quả có 3 thời kỳ:*
 - *Hiện báo: đời này gieo nhân liền chịu quả báo.*
 - *Sanh báo: đời này gieo nhân đến đời sau mới gặt quả.*
 - *Hậu báo: đời này gieo nhân đến nhiều đời sau mới gặt quả.*

II. KINH**1. Câu hỏi 1 (5 điểm)**

- Hai thời công phu là gì? Có thuộc 2 thời công phu không? Đọc tựa đầy đủ của kinh Lăng Nghiêm hoặc tụng một đoạn kinh Di Đà.

Trả lời

- *Hai thời công phu là công phu chiều và công phu khuya.*
- *Tựa kinh Lăng Nghiêm là “Đại Phật Đảnh Như-lai Mật Nhân Tu Chứng Liễu Nghĩa Chư Bồ-tát Vạn Hạnh Thủ Lăng Nghiêm kinh.” (hoặc tụng 1 đoạn kinh Di Đà)*

2. Câu hỏi 2 (5 điểm)

- Tứ y pháp là gì? Hãy kể tên.

Trả lời

- Tứ y là 4 phương pháp thực tập sự nương tựa (y cứ) dẫn đến giác ngộ giải thoát, đó là:

1. Y pháp bất y nhân, 2. Y nghĩa bất y ngữ.

3. Y trí bất y thức, 4. Y liễu nghĩa kinh bất y bất liễu nghĩa kinh.

3. Câu hỏi 3 (5 điểm)

- Hãy tụng bài chú Kiết Tường.

Trả lời***Tiêu Tai Cát Tường Thân chú***

Năng mô tam mãn đa, mẫu đà nẫm. A bát ra đê, hạ đa xá ta năng nẫm. Đát điệt tha. Án, khê khê, khê hê, khê hê, hồng hồng, nhập phạ ra, nhập phạ ra, bát ra nhập phạ ra, bát ra nhập phạ ra, đê sắc sá, đê sắc sá, sắc trí rị, sắc trí rị, ta phẩn tra, ta phẩn tra, phiến đê ca thất rị duệ, ta phạ ha.

Nam-mô Tiêu Tai Giáng Kiết Tường Bồ-tát.

Nguyện trú kiết tường, dạ kiết tường,

Trú dạ lục thời hằng kiết tường,

Nhất thiết thời trung kiết tường giả,

Nguyện chư Thượng sư ai nhiếp thọ.

Nguyện trú kiết tường, dạ kiết tường,

Trú dạ lục thời hằng kiết tường,

Nhất thiết thời trung kiết tường giả,

Nguyện chư Tam bảo ai nhiếp thọ.

Nguyện trú kiết tường, dạ kiết tường,

Trú dạ lục thời hằng kiết tường,

Nhất thiết thời trung kiết tường giả,

Nguyện chư Hộ pháp thường ủng hộ.

4. Câu hỏi 4 (5 điểm)

- Hãy tụng bài kệ Tứ hoàng thế nguyện.

Trả lời

*Chúng sanh vô biên thế nguyên độ,
Phiền não vô tận thế nguyên đoan,
Pháp môn vô lượng thế nguyên học,
Phật đạo vô thượng thế nguyên thành.*

5. Câu hỏi 5 (5 điểm)

- Kinh điển của đạo Phật được kết tập mấy lần? Hãy kể ra.

Trả lời

- *Kinh điển của đạo Phật được kết tập 4 lần:*
 - *Lần thứ nhất: ngài Ca-diếp cùng 500 vị Đại Tỳ-kheo A-la-hán kết tập (sau khi đức Phật nhập Niết-bàn 3 tháng).*
 - *Lần thứ hai: ngài Da-xá cùng 700 vị Đại Tỳ-kheo A-la-hán kết tập (sau khi đức Phật nhập Niết-bàn khoảng 100 năm).*
 - *Lần thứ ba: vua A-dục khởi xướng, ngài Mục-kiền-liên-đế-tu cùng 999 vị Đại Tỳ-kheo A-la-hán kết tập. (sau Phật nhập Niết-bàn khoảng 300 năm).*
 - *Lần thứ tư: do vua Ca-nị-sắc-ca khởi xướng, ngài Hiếp Tôn giả và Thế Hữu cùng 500 vị Bồ-tát, 500 vị Tỳ-kheo, 500 vị cư sĩ kết tập (sau khi đức Phật nhập Niết-bàn khoảng 600 năm).*

III. LUẬT**1. Câu hỏi 1 (5 điểm)**

- Ngũ giới là gì? Hãy kể ra. Thọ ngũ giới có lợi ích gì?

Trả lời

- *Ngũ giới là 5 giới ngăn cấm của Phật dạy, cũng là nền tảng của tất cả giới luật. Năm giới đó là:*
 - 1. Không sát sanh, 2. Không trộm cắp.*
 - 3. Không tà dâm, 4. Không vọng ngữ, 5. Không uống rượu.*
- *Người giữ 5 giới thì ngay hiện đời có thể giảm bớt những phiền não, tai họa, luôn thanh thản, an lạc; đời sau được làm người có nhiều phước báu.*

2. Câu hỏi 2 (5 điểm)

- Bát Quan Trai giới là gì? Hãy kể tên.

Trả lời

- “*Bát*” là 8; “*Quan*” là cửa, cửa ngăn chặn 8 điều tội lỗi; “*Trai*” là quá giờ Ngọ không được ăn nữa. Vậy “*Bát Quan Trai giới*” là pháp tu của người tại gia, giữ gìn tám giới cho thân tâm được thanh tịnh trong một ngày đêm.

1. Không sát sanh, 2. Không trộm cắp, 3. Không dâm dục,
4. Không vọng ngữ, 5. Không uống rượu,
6. Không trang điểm, thoa dầu thơm, múa hát và cố đi xem nghe,
7. Không ngồi nằm giường cao rộng đẹp,
8. Không ăn quá giờ Ngọ.

3. Câu hỏi 3 (5 điểm)

- Tam đề, ngũ quán là gì? Hãy kể ra.

Trả lời

- *Tam đề* là 3 điều nguyện của người tu khi ăn 3 muỗng cơm lạt đầu tiên.

- *Muỗng thứ nhất*: Nguyện đoạn nhất thiết ác.
- *Muỗng thứ hai*: Nguyện tu nhất thiết thiện.
- *Muỗng thứ ba*: Nguyện độ nhất thiết chúng sanh.

- *Ngũ quán* là 5 điều quán tưởng trước khi ăn.

- *Nhất kế công* đã thiếu lượng bỏ lại xír.
- *Nhị thôn kỷ đức* hạnh toàn khuyết ứng cúng.
- *Tam phòng tâm ly* quá tham đặng vi tông.
- *Tứ chánh sự lương* được, vị liệu hình khô.
- *Ngũ vị thành đạo* nghiệp, ưng thọ thử thực.

4. Câu hỏi 4 (5 điểm)

- Thị giả là gì? Khi hầu Thầy, thị giả phải làm sao?

Trả lời

- *Thị giả là người thân cận, thừa sự bên thầy và các Trưởng lão. Khi hầu Thầy trước phải có lòng cung kính, hết lòng chăm sóc sức khỏe của Thầy, phải biết ý và không để phiền lòng Thầy, luôn nhất tâm nhất ý từ thức ăn, giấc ngủ, cho đến các công việc. Nếu có lỗi, Thầy răn cũng không được cãi lại, phải cúi đầu lắng nghe và nghĩ nhớ mà vâng làm.*

5. Câu hỏi 5 (5 điểm)

- Thập thiện nghiệp là gì? Hãy kể ra.

Trả lời

- *Thập thiện nghiệp là 10 nghiệp lành, là cội gốc của tất cả các pháp lành của thế gian và xuất thế gian.*
 - *Thân có 3 nghiệp thiện: 1. Không sát sanh, 2. Không trộm cắp, 3. Không tà dâm.*
 - *Khẩu có 4 nghiệp thiện: 1. Không nói dối, 2. Không nói thêu dệt, 3. Không nói lưỡi hai chiều, 4. Không nói lời hung ác.*
 - *Ý có 3 nghiệp thiện: 1. Không tham lam, 2. Không giận hờn, 3. Không si mê.*

IV. LỊCH SỬ**1. Câu hỏi 1 (5 điểm)**

- Đức Phật đản sanh ở đâu, vào ngày, tháng, năm nào? Lúc mới đản sanh, Ngài có tên là gì, là con của ai, thuộc giai cấp nào?

Trả lời

- *Đức Phật đản sanh ở thành Ca-tỳ-la-vệ, phía Bắc Trung Ấn, Ngài sanh vào ngày 15/4 âm lịch, năm 625 trước Công Nguyên. Đại hội Phật giáo năm 1960 thống nhất là ngày 15/4 âm lịch*
- *Lúc mới đản sanh, Ngài có tên là Tất-đạt-đa, là con của vua Tịnh-phạn và hoàng hậu Ma-da, thuộc giai cấp Sát-đế-lợi.*

2. Câu hỏi 2 (5 điểm)

- Thái tử Tất-đạt-đa xuất gia vào ngày nào? Lúc Ngài bao nhiêu tuổi? Vì sao Thái tử Tất-đạt-đa đang sống trong cung vàng điện ngọc mà muốn vượt thành đi xuất gia?

Trả lời

- Theo sử liệu Bắc truyền, Thái tử xuất gia ngày 08/02 âm lịch, khi Ngài 19 tuổi. Theo sử liệu Nam truyền là ngày 15/4 âm lịch, khi Ngài 29 tuổi.
- Vì Ngài ấn tượng trong ngày lễ Hạ-điền, chứng kiến bốn cảnh khổ (sinh, già, bệnh, chết) của nhân sinh khi dạo chơi nơi 4 cửa thành, và đặc biệt là Ngài nhìn thấy hình ảnh vị Sa-môn với dung nghi siêu trần, thoát tục, Ngài vô cùng kính ngưỡng. Tất cả những ấn tượng ấy đã thôi thúc Thái tử sớm tìm đường giải thoát, để rồi cuối cùng, Ngài quyết tâm xuất gia tìm đạo.

3. Câu hỏi 3 (5 điểm)

- Thái tử Tất-đạt-đa đã tu pháp môn nào mà thành Phật? Thái tử thành Phật vào lúc nào, khi Ngài bao nhiêu tuổi?

Trả lời

- Thái tử Tất-đạt-đa đã tu pháp môn Thiên định mà thành Phật.
- Theo sử liệu Bắc truyền, sau khi Ngài chiến thắng tất cả nội ma, ngoại chướng, rạng sáng ngày 08/12 âm lịch, Ngài chứng quả Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác. Khi đó, Ngài 30 tuổi. Theo sử liệu Nam truyền là ngày 15/4 âm lịch. khi đó, Ngài 35 tuổi.

4. Câu hỏi 4 (5 điểm)

- Sau khi thành đạo, đức Phật thuyết pháp lần đầu tiên ở đâu? Nói pháp gì? Và thuyết cho ai nghe? Lần cuối cùng đức Phật thuyết pháp gì? Ở đâu?

Trả lời

- Sau khi thành đạo, đức Phật đến vườn Lộc-uyển, ở xứ Ba-la-nại, lần đầu tiên thuyết pháp Tứ-đế độ 5 anh em Kiều-trần-như.
- Lần cuối cùng, tại rừng Sa-la, thành Câu-thi-na, đức Phật nhắc lại giáo lý Tứ -đế cho hàng đệ tử và giáo huấn về sự vô thường của thế giới và con người.

5. Câu hỏi 5 (5 điểm)

- Sau khi đức Phật nhập Niết-bàn, Tăng đoàn chia ra làm mấy Hệ phái? Đạo Phật truyền vào Việt Nam từ năm nào? Vị sơ Tổ của thiên phái Trúc Lâm nước Việt là ai?

Trả lời

- Sau khi đức Phật nhập Niết-bàn khoảng 100 năm, Tăng đoàn chia ra làm 2 Hệ phái, Thượng toạ bộ và Đại chúng bộ.
- Đạo Phật truyền vào Việt Nam từ khoảng thế kỷ thứ II đến đầu thế kỷ thứ III.
- Vị sơ Tổ của Thiên phái Trúc Lâm nước Việt là đức Phật Hoàng Trần Nhân Tông, sau đó truyền lại Tổ vị cho Thiên sư Pháp Loa.

B. TỤNG LUẬT (tụng 2 cuốn đầu của Luật Trường hàng)

C. THI TỰ LUẬN (khi thi viết sẽ phát đề)